

Bản án số: 568/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/5/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Bùi Quang Việt.

2/ Bà Phan Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1595/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc X, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 134/109/257 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Tran Van H, sinh năm 1949.

Quốc tịch: : Phần Lan.

Địa chỉ: 2 A 24 01480 Vantaa, Finland.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2017, bản tự khai ngày 15 tháng 8 năm 2017 của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc X trình bày:

Bà và ông Tran Van H tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 2177, quyển số 11 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung được khoảng 01 tháng thì ông Tran Van H trở về Phần Lan sinh sống, còn bà vẫn sống ở Việt Nam. Sau khi ông Tran Van H trở về Phần Lan thì hai vợ chồng bà có liên lạc với nhau

được ba tháng thì không liên lạc với nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với ông Tran Van H để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Phạm Thị Ngọc X khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc X khai không có.

Ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 492/UTTPDS-TA30 để thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Phần Lan thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo vụ án được đưa ra hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 6 năm 2018; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 7 năm 2018 và xét xử lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 23 tháng 8 năm 2018; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 24 tháng 9 năm 2018 ông Tran Van Hoang.

Tại giấy đồng ý ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/8/2017 của ông Tran Van H đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Phần Lan chứng nhận ngày 23/8/2017 ông Tran Van H trình bày: Ông và bà Phạm Thị Ngọc X tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 2177, quyển số 11 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2015. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì ông trở về Phần Lan sinh sống còn bà X vẫn sống ở Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng ông vẫn thường X liên lạc qua điện thoại, email nhưng do khoảng cách xa xôi, ông ở Phần Lan cũng có nhiều khó khăn nên không thể bảo lãnh bà X sang Phần Lan sinh sống cùng ông nên hai vợ chồng ông không còn liên lạc với nhau. Nay bà X yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn để có điều kiện ổn định cuộc sống của riêng mỗi người.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 26/4/2018, bà Phạm Thị Ngọc X có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại giấy đồng ý ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/8/2017 của ông Tran Van H đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Phần Lan chứng nhận ngày 23/8/2017 ông Tran Van H trình bày: Do hiện nay ông đang ở Phần Lan, kinh tế còn khó khăn, khoảng cách địa lý giữa hai nước lại quá xa nên tôi không thể về Việt Nam để tham gia các phiên họp, các buổi hòa giải, làm việc và xét xử tại Tòa án. Do đó, ông đề nghị Tòa án

cho ông được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Tran Van H đang cư ngụ hợp pháp tại nước Cộng hòa Phần Lan thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét bà Phạm Thị Ngọc X và ông Tran Van H đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà X, ông Tran Van H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc X nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 2177, quyển số 11 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2015 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ngọc X và ông Tran Van H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự thì sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung được một thời gian ngắn thì ông Tran Van H trở về Phần Lan sinh sống còn bà X vẫn sống ở Việt Nam, khoảng cách xa xôi nên vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông Tran Van H cũng đồng ý ly hôn với bà X. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay bà Phạm Thị Ngọc X và ông Tran Van H mỗi người

sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc X ly hôn ông Tran Van H là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc X phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị Ngọc X phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà X đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc X .

Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc X được ly hôn với ông Tran Van H.

Giấy đăng ký kết hôn số 2177, quyển số 11 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2015 cho bà Phạm Thị Ngọc X và ông Tran Van H không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc X phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034329 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị Ngọc X phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà X đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Phạm Thị Ngọc X nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Tran Van H thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

